

Bản án số: 52 /2020/HS-ST  
Ngày: 29/9/2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Lữ Kim Hằng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Báu - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Đ C S**, sinh năm 1972, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ D (Đã chết) và bà N G, sinh năm: 1949; vợ Đ D, sinh năm: 1982 và có 02 con lớn nhất sinh năm: 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/02/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

**2. N T B**, sinh năm 1993, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 11, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông N T B, sinh năm: 1958 và bà N H, sinh năm: 1964; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/02/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

*Bị hại:* Anh C K T, sinh năm: 1987 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông C A S, sinh năm: 1955 và bà L C K, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 728 J St, P, PA 19148, Hoa Kỳ.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà K: Ông C T D, sinh năm: 1981, địa chỉ: Số 364, ấp Tân B, xã B Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt không có lý do).

*Người làm chứng:*

1. Anh L L P, sinh năm: 1993 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp 12, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh N P C, sinh năm: 1992 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh P T S, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 01/5/2017 Đ C S có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 60N3-5387 kéo theo một mọt cày, xe không có đèn chiếu sáng theo quy định (có đeo 01 đèn pin nhỏ trên đầu), có nồng độ cồn trong máu vượt quá mức quy định (203.67/100ml) lưu thông từ hướng ngã tư Lò Than, xã B B huyện C, tỉnh Đồng Nai đi ngã tư Biên Hòa 2, xã S, huyện C (hướng Xuân Định đi Lâm San). Khi đến đoạn đường liên xã Xuân Định-Lâm San thuộc ấp Tân Hòa, xã B Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và điều khiển xe máy chạy ở khoảng giữa đường. Lúc này, có N T B có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 59D1-25931, nồng độ cồn trong máu vượt quá mức quy định (157.55mg/100ml) chở L L P và C K T không đội mũ B hiểm ngồi phía sau lưu thông theo hướng ngược lại nên không thấy được xe của S điều khiển từ xa. Khi đến gần khoảng 07m, B phát hiện xe mô tô của S đang chạy đến nên điều khiển xe mô tô né tránh qua phía bên trái hướng lưu thông thì phần bên phải xe mô tô của B đụng vào phần bên phải xe mô tô của S điều khiển theo hướng ngược lại gây ra tai nạn. Hậu quả C K T chết tại hiện trường, riêng L L P bị thương nhẹ, Đ C S bị thương nặng được cấp cứu và điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, N T B được cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Bưu Điện, thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại bản giám định pháp y về tử thi số 269/PC54-KLGDPY ngày 19/5/2017, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định nguyên nhân tử vong của C K T: Chấn thương sọ não, dập vỡ hoàn toàn xương hộp sọ, rách màng não cứng, dập thùy đỉnh-chẩm hai bên. Nồng độ cồn trong máu là 55.25mg/100ml.

- Kết quả điều tra hiện trường: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường nhựa thuộc ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, mặt đường trải nhựa thẳng, rộng 05m, không có dải phân cách, không có làn S phân làn xe chạy. Tai nạn giao thông xảy ra buổi tối, mặt đường khô ráo, tại thời điểm xảy ra sự việc chỉ có hai xe mô tô gây tai nạn lưu thông.

Vết cày của xe mô tô biển số 59D1-25931 để lại mặt đường dài 31m60, điểm xuất phát của vết cày nằm cách mép đường 03m60. Xe mô tô biển số 60N3-5387 kéo theo 01 mọc tự chế để lại hiện trường 03 vết cày, vết cày thứ nhất có chiều dài 0m70, đầu vết cày cách mép đường 02m30, đuôi vết cày cách mép đường là 02m05; vết cày thứ 2 dài 0m25, đầu vết cày cách mép đường 02m, đuôi vết cày cách mép đường 01m90, khoảng cách từ vết cày thứ nhất đến vết cày thứ 2 là 0m75; vết cày thứ 3 dài 0m60, đầu vết cày cách mép đường 02m70, đuôi vết cày cách mép đường là 02m53, khoảng cách từ vết cày thứ 2 đến vết cày thứ 3 là 0m55. Tất cả các vết cày lấy mép đường bên trái theo hướng Xuân Định đi Lâm San làm chuẩn.

Sau tai nạn C K T nằm trong tư thế nằm nghiêng, đầu nạn nhân quay về hướng xã Xuân Định, chân quay về hướng xã Lâm San, hơi chéch vào trong mép đường. Đầu nạn nhân cách mép đường bên trái theo hướng xã Xuân Định đi xã Lâm San là 08m20.

Khoảng cách từ đầu vết cày do xe mô tô biển số 59D1-25931 đến trục bánh sau của xe mô tô biển số 60N3-5387 là 25m60. Sau tai nạn mô tô biển số 59D1-25931 ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng xã Xuân Định, đuôi xe quay về hướng xã Lâm San. Trục bánh xe trước cách mép đường 01m, trục bánh xe sau cách mép đường 01m20, lấy mép đường bên trái theo hướng xã Xuân Định đi xã Lâm San làm chuẩn. Xe mô tô biển số 60N3-5387 ngã nghiêng bên phải, đầu xe quay vào lề phải, đuôi xe quay hướng ra lề trái. Trục trước bánh xe vào mép đường là 05m, trục sau bánh xe vào mép đường là 04m, lấy mép đường bên trái theo hướng xã Xuân Định đi xã Lâm San làm chuẩn, mọc tự chế sau tai nạn đầu mọc vẫn được gắn cố định vào đuôi xe mô tô biển số 60N3-5387, đuôi mọc hướng ra lề trái, trên mọc chất đầy hàng hóa.

- Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Xe mô tô biển số 59D1-25931 không có gương chiếu hậu, tay cầm bên phải và nút đầu tay phanh trước bị mài mòn; vành, bánh xe phía trước bị cong, vênh; mép trên yếm chắn gió bên phải bị mài mòn rộng 04cm, dài 10m; giữa yếm chắn gió bên phải bị mài mòn 03 điểm: điểm thứ nhất rộng 04cm, dài 11cm; điểm thứ 2 rộng 02cm, dài 0.2cm; điểm thứ 3 rộng 02cm, dài 0.3cm; phía dưới yếm chắn gió bên phải bị bể vỡ, kích thước 11x5cm, cần đạp phanh cong cụp vào trong, về sau; gách chân phía trước bên phải cong cụp vào trong, về sau; ống xả (pô) có vết trầy xước 03x05cm, cây truyền lực (đũa phanh) sau, rời ra khỏi vị trí ban đầu.

Xe mô tô biển số 60N3-5387 kéo theo một mọc tự chế ốp đầu đèn phía trên, bên phải bị vỡ, kích thước 02x02cm, ốp cổ tay lái phía trước, bên phải bị bể vỡ, kích thước 26x12cm, yếm chắn gió bên phải bị bể vỡ 02 mảnh kích thước 03x10cm và 05x15cm, cần đạp phanh sau cong cụp vào trong, gách chân phía trước bên phải cong cụp vào trong. Mọc tự chế, thùng có chiều dài 01m, rộng 0.85m, cao 0.6m, từ mép dưới của thùng mọc xuống mặt đường 0.45m.

- Tại bản kết luận giám định số 1871/C54B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Hệ thống đèn chiếu sáng của xe mô tô biển số 59D1-25931 hoạt động bình thường, không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật. Cụm chi tiết phanh bánh sau của xe mô tô không đầy đủ, bị mất tác dụng. Nguyên nhân là do không có chi tiết liên kết cơ khí (đai ốc) giữa thanh kéo và cần bẩy cụm má phanh bánh xe sau. Tuy nhiên không đủ cơ sở để xác định chi tiết liên kết cơ khí bị mất trước hay sau khi tai nạn giao thông.

Hệ thống đèn chiếu sáng trên xe mô tô biển số 60N3-5387 bị hư hỏng. Nguyên nhân là 02 bóng đèn lắp đặt bên trong cụm đèn pha chiếu sáng phía trước xe bị hư hỏng (01 bóng đèn bị cháy, 01 bóng đèn bị đứt dây tóc bên trong). Trước khi tham gia giao thông, hệ thống phanh trên xe hoạt động bình thường, không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật.

Không đủ cơ sở để xác định tốc độ xe mô tô biển số 59D1-25931 và xe mô tô biển số 60N3-5387 khi tham gia tai nạn giao thông.

- Ngày 04/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ tiến hành thực nghiệm điều tra, quá trình thực nghiệm điều tra theo lời khai của N T B xác định:

Điểm dừng của 02 xe nằm ở phần đường bên trái theo hướng xã Lâm San đi xã Xuân Định, cách tim đường 15cm. Tại thời điểm 02 xe va chạm, xe do N T B điều khiển đã lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi của mình là 35cm, xe do Đ C S điều khiển đã lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi của mình là 23cm, mọc tự chế xe của S kéo theo lấn sang phần đường bên trái 40cm.

Đối với Đ C S do S khai không còn nhớ các tình tiết khi xảy ra vụ tai nạn nên không tiến hành thực nghiệm được, riêng L L P khai do lúc đó 02 xe xảy ra va chạm Phước úp mặt vào lưng của B nên không biết.

Ngày 15/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 03/2020/HSST-QĐ, trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ có công căn số 182/CV-VKS.CM về việc hoàn trả hồ sơ vụ án, giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung thêm chứng cứ.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSCM ngày 14/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Đ C S, N T B về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 2, Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Đề nghị áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đ C S mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo N T B mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Đối với 01 xe mô tô biển số 60N3-5387 có số khung 01379, số máy 001379 kèm theo 01 mọc tự chế là tàu sản hợp pháp của ông Đ C S; 01 xe mô tô biển số 59D1-25931 có số khung 9206Y-003292, số máy 1S92 003292 là tài sản của N T B đã trả lại cho S, B là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau tai nạn, các bị cáo đã thương lượng, hỗ trợ chi phí mai táng cho nạn nhân với số tiền 80.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Đối với L L P xây sát nhẹ và không có điều trị thương tích. Không có yêu cầu gì trong vụ án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Đ C S: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo khó khăn.

Bị cáo N T B: Xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo Đ C S và N T B khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản thực nghiệm điều tra, các vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Vào khoảng 19 giờ sáng ngày 01/5/2017, tại đoạn đường liên xã Xuân Định-Lâm San thuộc ấp Tân Hòa, xã B Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ C S đã có hành vi điều khiển xe mô tô 60N1-5387 chạy ở giữa đường, đoạn đường không có giải phân cách, khi điều khiển xe có kéo theo một mọc tự chế, xe không có hệ thống đèn chiếu sáng theo quy định, chỉ đeo đèn pin nhỏ trên đầu dẫn đến hạn chế tầm nhìn của hai bị cáo, có nồng độ cồn vượt có quy định (203.67/100ml), bị cáo không chú ý quan sát, khi phát hiện xe đi ngược chiều do N

T B điều khiển, bị cáo không cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình, mà cho xe chạy lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi của mình rồi đụng vào phần bên phải của xe mô tô của N T B điều khiển lưu thông theo chiều ngược lại gây ra tai nạn. Hành vi của bị cáo vi phạm vào khoản 8, Điều 8; khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 17; điểm d, khoản 3, Điều 30; khoản 2, Điều 53 của Luật giao thông đường bộ.

Bị cáo N T B có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 59D1-25931, nồng độ cồn trong máu vượt quá mức quy định (157.55mg/100ml) chở L L P và C K T không đội mũ B hiểm ngồi phía sau lưu thông theo hướng ngược lại hướng lưu thông của bị cáo Đ C S, B điều khiển xe mô tô với tốc độ nhanh, không chú ý quan sát, khi đến gần khoảng 07m B mới phát hiện xe mô tô của S đang chạy đến, nhưng bị cáo không giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình, mà điều khiển xe mô tô né tránh qua phía bên trái hướng lưu thông nên phần bên phải xe mô tô của B đụng vào phần bên phải xe mô tô của S điều khiển theo hướng ngược lại gây ra tai nạn. Hành vi của bị cáo vi phạm vào khoản 8, Điều 8; khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 17; khoản 1, 2, Điều 30 của Luật giao thông đường bộ.

Hậu quả C K T chết tại hiện trường.

Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đ C S, N T B phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b, khoản 2, Điều 260 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm Sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông, do đó cần xử bị cáo một mức án đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly các bị cáo một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đối với hành vi điều khiển phương tiện giao thông mà trong người có nồng độ cồn vượt quá mức quy định.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; những người đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; bị hại là người chủ động xin bị cáo đi nhờ xe, trong khi biết việc bị cáo chở ba là vi phạm luật giao thông, khi ngồi sau xe cũng không đội mũ B hiểm. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, do đó căn cứ vào Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo một mức

án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở lại đời sống xã hội, cho các bị cáo cơ hội để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt chính: Các bị cáo đều có hành vi vi phạm luật giao thông đường bộ dẫn đến tai nạn nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của mình gây ra. Các bị cáo có hành vi phạm tội với mức độ lỗi ngang nhau, do đó, hình phạt mà các bị cáo phải nhận bằng nhau.

Về hình phạt bổ sung: Không cần thiết phải phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 xe mô tô biển số 60N3-5387 kèm theo 01 mọc tự chế là tài sản hợp pháp của ông Đ C S; 01 xe mô tô biển số 59D1-25931 là tài sản của N T B đã trả lại cho S, B là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo, những người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác về phần dân sự nên không xem xét.

Đối với L L P xây sát nhẹ và không có điều trị thương tích. Không có yêu cầu gì trong vụ án, do đó không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận phần phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố các bị cáo **N T B, Đ C S** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo N T B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Bị cáo Đ C S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

**2.** Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Hoài Bảo**



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoài B**



